

CẢ NƯỚC TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1965 - 1973)

Bài này nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong gần 10 năm, kể từ sau khi đế quốc Mỹ phát động chiến lược "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc, đến khi Hiệp định Phụ được kí kết. Đây là thời kì cả nước có chiến tranh dưới những hình thức và mức độ khác nhau.

I- Đế quốc Mỹ leo thang mở rộng chiến tranh xâm lược (1965-1968)

Ngay từ đầu năm 1965, khi chiến lược "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam Việt Nam phát triển tới đỉnh cao nhất và đứng trước nguy cơ thất bại hoàn toàn, đế quốc Mỹ vấp phải một tình thế hết sức khó khăn, phải chọn một trong hai giải pháp: Hoặc là tiếp tục dùng quân nguy đẩy mạnh hơn nữa "chiến tranh đặc biệt", hoặc là chuyển sang một loại hình chiến tranh khác với sự tham gia trực tiếp của quân đội viễn chinh.

Với bản chất ngoan cố và hiếu chiến, đế quốc Mỹ không thể tiếp tục chiến lược "chiến tranh đặc biệt" để phải từ bỏ ý đồ xâm chiếm miền Nam Việt Nam. Vì vậy, từ giữa năm 1965 trở đi, chúng ồ ạt đưa quan đội viễn chinh và quân chư hầu vào miền Nam trực tiếp tham gia cuộc chiến tranh xâm lược. Đến cuối năm 1965, số lính Mỹ có mặt ở miền Nam Việt Nam đã lên 180.000 quân; số quân chư hầu là 20.000 tên. Đó là chưa kể 70.000 lính hải quân và không quân trên các căn cứ Mỹ ở Guam, Philippin, Thái Lan và Hạm đội 7 trong tư thế sẵn sàng tham chiến khi có lệnh.

Ngày 26-6-1965, Tướng Oétmolen được Chính phủ Mỹ cho phép đưa quân Mỹ ra trận "khi nào thấy cần thiết". Ngày 17-7-1965, Tổng thống Mỹ Giôn xon thông báo quyết định đưa 44 tiểu đoàn Mỹ vào miền Nam Việt Nam và chấp nhận chiến lược "Tìm diệt" của Oétmolen. Với quyết định này, cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở miền Nam chuyển sang giai đoạn mới: Giai đoạn chiến lược "chiến tranh cục bộ".

"Chiến tranh cục bộ" là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, là một trong ba hình thức chiến tranh trong chiến lược quân sự toàn cầu "Phản ứng linh hoạt". "Chiến tranh cục bộ" bắt đầu từ giữa năm 1965, thay cho "chiến tranh đặc biệt" đã bị phá sản, được tiến hành bằng lực lượng quân đội viễn chinh Mỹ, quân chư hầu 1 và quân ngụy.

Thông qua chiến lược "chiến tranh cục bộ", đế quốc Mỹ nhằm thực hiện 3 âm mưu:

Nhanh chóng tạo ra ưu thế binh lực và hỏa lực để có thể áp đảo chủ lực của ta bằng chiến lược quân sự mới "tìm diệt", cố giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta trở về thế phòng ngự, buộc phải phân tán đánh nhỏ, hoặc rút về biên giới, làm cho chiến tranh cách mạng tàn lụi dần.

- Mở rộng và củng cố hậu phương của chúng, lập đội quân "bình định", kết hợp hoạt động càn quét với các hoạt động chính trị và xã hội lừa bịp, tung tiền của để cố thực hiện chu kỳ được "mặt trận thứ hai", nhằm "tranh thủ trái tim, khối óc" của nhân dân, thực chất là giành lại dân, trước hết là nông dân ở vùng giải phóng, bắt họ trở lại ách kìm kẹp tàn bạo của Mỹ - ngụy.

- Đe dọa lực lượng cách mạng thế giới.

Mục tiêu chủ yếu của chiến lược "chiến tranh cục bộ" là đánh bại cách mạng miền Nam trong vòng 25 - 30 tháng (giữa năm 1965 đến cuối năm 1967), với kế hoạch ba giai đoạn:

Giai đoạn 1 : Phá kế hoạch mùa mưa của ta, "chặn chiều hướng thua",

bảo đảm triển khai nhanh lực lượng quân viễn chinh Mĩ .

- Giai đoạn 2: Mở các cuộc phản công chiến lược tìm diệt chủ lực của ta và kiểm soát vùng nông thôn.

- Giai đoạn 3 : Hoàn thành việc tiêu diệt khối chủ lực của ta, tiếp tục bình định miền Nam, rút quân Mĩ về nước vào cuối năm 1967.

Để thực hiện được những mục tiêu trên, trong chiến lược "chiến tranh cục bộ", quân viễn chinh Mĩ được coi là con bài chủ yếu, nhưng quân ngụy vẫn được sử dụng như một lực lượng chiến lược quan trọng. Quân Mĩ là lực lượng cơ động chủ yếu để "tìm diệt" bộ đội chủ lực của ta; quân ngụy là lực lượng chiếm đóng để "bình định", kìm kẹp nhân dân. Quân viễn chinh Mĩ và quân ngụy đều là hai lực lượng chiến lược.

Biện pháp chủ yếu của chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam Việt Nam là "tìm và diệt"; sau đó "tìm diệt và bình định" được coi như là chiến lược hai gọng kìm; đồng thời dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc.

Với chiến lược "chiến tranh cục bộ", đế quốc Mĩ đã đi tới một bước leo thang chiến tranh cao nhất và là cố gắng quân sự lớn nhất. Đây cũng là lần đầu tiên Mĩ đưa nhiều quân nhất đi xâm lược, kể từ sau Chiến tranh

thế giới thứ hai. Trong giai đoạn này, Mỹ huy động 70% lục quân, 60% lính thủy đánh bộ, 40% hải quân và 60% không quân của nước Mỹ ; 6,5 triệu lượt thanh niên Mỹ trực tiếp tham gia chiến tranh xâm lược Việt Nam, 22.000 xí nghiệp trên đất nước Mỹ cũng được huy động trực tiếp phục vụ chiến tranh xâm lược Việt Nam cùng với việc phát động "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam, để quốc Mỹ sử dụng lực lượng không quân và hải quân để tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam.

Đế quốc Mỹ đã sớm nhận thấy vai trò hậu phương của miền Bắc đối với cách mạng miền Nam. Vì vậy, ngay từ đầu và trong tất cả các thời kì của cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam; chúng luôn luôn tìm mọi cách phá hoại sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta.

Từ tháng 3-1964, Tổng thống Giôn-xơn phê chuẩn kế hoạch dùng tàu khu trục Mỹ tuần tiễu ở vịnh Bắc Bộ để ngăn chặn con đường tiếp tế trên biển của ta; tiến hành quấy rối, trinh sát vùng ven biển; yểm trợ cho tàu biệt kích nguy vây bắt ngư dân để khai thác tin tức. Vào trung tuần tháng 4-1964, Hội đồng Tham mưu trưởng - liên quân Mỹ vạch ra kế hoạch ném bom miền Bắc, thông qua danh sách 94 mục tiêu đánh phá khi được lệnh.

Đến ngày 31-7-1964, tàu khu trục Ma đốc của Mỹ tiến vào khu vực phía Nam đảo Côn Cỏ để do thám và uy hiếp ta dọc bờ biển. Cùng ngày và

tiếp ngày hôm sau (1-8), máy bay Mĩ từ Lào sang bắn phá đồn biên phòng Nậm Cắn và làng Ngông Dẻ nằm sâu trong lãnh thổ Việt Nam, thuộc địa phận tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

Ngày 5-8-1964, sau khi dựng lên "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ " (đêm 4- 8- 1964) lấy cớ đánh trả đũa, giới cầm quyền Mĩ ra lệnh cho không quân ném bom bắn phá một số nơi (cửa sông Gianh, Vinh - Bến Thủy, Lạch Trường, thị xã Hòn Gai). Nghị quyết về "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ" đã được Quốc hội Mĩ thông qua ngày 7- 8-1964, cho phép chính quyền Giôn xon áp dụng biện pháp chiến tranh không quân và hải quân đối với miền Bắc Việt Nam.

Tháng 12-1964, sau khi có nghị quyết của Quốc hội làm hậu thuẫn, Tổng thống Giôn xon chính thức thông qua "Kế hoạch Mắc Namara - Bân đi - Nâu ton " nhằm đưa chiến tranh ra miền Bắc Việt Nam, dự định thực hiện từ giữa năm 1965. Nhưng do bị thất bại nặng nề ở Bình Giã, Mĩ vội vàng thực hiện kế hoạch trên với hi vọng có thể cứu vãn được tình thế.

Ngày 7-2-1965, lấy cớ đánh trả đũa quân giải phóng miền Nam tấn công vào trại lính Mĩ ở Plâycu (đêm 6-2-1965), Giôn xon ra lệnh cho lực lượng không quân Mĩ mở chiến dịch "Mũi lao lửa ", ném bom bắn phá thị xã Đồng Hới, đảo Cồn Cỏ, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh phá

hoại miền Bắc Việt Nam bằng không quân và hải quân với quy mô ngày càng lớn, mức độ ngày càng ác liệt. Đế quốc Mỹ coi cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc như là một biện pháp bổ sung, chứ không phải là biện pháp thay thế cho cuộc chiến tranh trên bộ của chúng ở miền Nam. Thông qua cuộc chiến tranh phá hoại, đế quốc Mỹ nhằm gây sức ép đối với Việt Nam, làm giảm sức tiến công của lực lượng cách mạng miền Nam, ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với cách mạng miền Nam. Những mục tiêu cụ thể mà chúng hi vọng có thể đạt được là:

- Phá hoại tiềm lực kinh tế và quốc phòng, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
- Ngăn chặn sự chi viện từ bên ngoài và từ miền Bắc vào miền Nam.
- Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta ở cả hai miền Nam, Bắc.

Với những mục tiêu trên, đế quốc Mỹ đã huy động vào cuộc chiến tranh một lực lượng không quân và hải quân rất lớn, gồm hàng ngàn máy bay tối tân thuộc 50 loại khác nhau, với các loại vũ khí hiện đại.